

BIỂU GIÁ DỊCH VỤ LAI DẮT HỖ TRỢ ĐỐI VỚI CÁC CHỦ HÀNG VÀ CHỦ TÀU VẬN TẢI NỘI ĐỊA

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 08/2024/QĐ-LDVT ngày 26/12/2023)

Phần I. Quy định chung

1. Đối tượng áp dụng: Biểu giá dịch vụ đối với các Chủ hàng và Chủ tàu vận tải nội địa (Biểu giá nội) được áp dụng kể ngày 01/01/2024 cho các đối tượng sau:

- Các tổ chức, cá nhân vận chuyển hàng hóa giữa các cảng biển Việt Nam bằng các phương tiện thủy, không phân biệt tàu Việt Nam hay tàu nước ngoài.

- Hàng vận chuyển nội địa do Chủ tàu vận tải nội địa thanh toán.

2. Phương tiện thủy: Bao gồm tàu biển, tàu sông và các loại tàu, thuyền, phương tiện khác (không phân biệt có động cơ hoặc không có động cơ) hoạt động trên biển và các vùng nước liên quan đến biển Việt Nam.

3. Tàu lai hổ trợ: Là tàu được thiết kế, đăng kiểm và đăng ký hoạt động làm dịch vụ lai dắt, hổ trợ tàu ra vào Cảng.

4. Cách xác định giá dịch vụ tàu Việt Nam tham gia vận tải biển quốc tế

4.1. Trường hợp nhận hàng xuất khẩu tại Cảng:

- Lượt vào áp dụng mức thu đối với tàu vận tải nội địa (giá nội)

- Lượt rời cảng xuất cuối cùng áp dụng mức thu đối với tàu vận tải quốc tế (giá ngoại)

4.2. Trường hợp trả hàng nhập khẩu sau đó nhận hàng để vận tải nội địa:

- Lượt vào áp dụng mức thu đối với tàu vận tải quốc tế (giá ngoại)

- Lượt rời áp dụng mức thu đối với tàu vận tải nội địa (giá nội)

4.3. Trường hợp trả hàng nội địa sau đó nhận hàng xuất khẩu:

- Lượt vào áp dụng mức thu đối với tàu vận tải nội địa (giá nội)

- Lượt rời áp dụng mức thu đối với tàu vận tải quốc tế (giá ngoại)

4.4. Trường hợp trong quá trình vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu có ra vào Cảng (nhưng không nhận hoặc trả hàng) vì lý do hàng hải chính đáng: Áp dụng mức thu đối với tàu vận tải nội địa (giá nội).

4.5. Trường hợp trong quá trình vận chuyển hàng hóa có ra vào Cảng để trả hàng nhập khẩu nhưng không nhận hàng xuất khẩu:

- Lượt vào áp dụng mức thu đối với tàu vận tải quốc tế (giá ngoại)

- Lượt rời áp dụng mức thu đối với tàu vận tải nội địa (giá nội).

4.6. Trường hợp trong quá trình vận chuyển hàng hóa có ra vào Cảng để nhận thêm hàng xuất khẩu nhưng không trả hàng nhập khẩu:

- Lượt vào áp dụng mức thu đối với tàu vận tải nội địa (giá nội)

- Lượt rời áp dụng mức thu đối với tàu vận tải quốc tế (giá ngoại)

4.7. Trường hợp tàu biển có chiều chạy rỗng vào hoặc ra Cảng Việt Nam: Áp dụng mức thu đối với tàu vận tải nội địa (giá nội) đối với chiều chạy rỗng.

5. Đơn vị công suất máy: Là mã lực (HP) hoặc kilowatt; phần lẻ dưới 1 HP (hoặc KW) tính tròn 1 HP (hoặc KW).

6. Đơn vị tính thời gian: Là ngày và giờ

- Đối với đơn vị thời gian là ngày: Một ngày tính 24 giờ, phần lẻ của ngày từ 12 giờ trở xuống tính $\frac{1}{2}$ ngày, trên 12 giờ trở lên đến 24 giờ tính bằng 1 ngày.

- Đối với đơn vị thời gian là giờ: Một giờ tính 60 phút, phần lẻ từ 30 phút trở xuống tính $\frac{1}{2}$ giờ, trên 30 phút trở lên đến 60 phút tính 1 giờ.

Phần II. Giá dịch vụ lai dắt hỗ trợ cho phương tiện thủy tại Cầu cảng Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng

1. Dịch vụ tàu lai hỗ trợ áp dụng giá khoán theo chiều dài lớn nhất của tàu yêu cầu hỗ trợ (LOA):

Biểu 1:

Đơn vị tính: đồng/lượt phục vụ vào hoặc ra

STT	Chiều dài lớn nhất (LOA) của tàu yêu cầu hỗ trợ	Đơn giá
1	Loại tàu có LOA nhỏ hơn 90m	3.880.000
2	Loại tàu có LOA từ 90m đến dưới 110m	8.000.000
3	Loại tàu có LOA từ 110m đến dưới 130m	10.800.000
4	Loại tàu có LOA từ 130m đến dưới 150m	12.300.000
5	Loại tàu có LOA từ 150m đến dưới 170m	21.600.000
6	Loại tàu có LOA từ 170m đến dưới 200m	29.600.000
7	Loại tàu có LOA từ 200m đến dưới 220m	33.000.000

Công suất tàu lai tối thiểu theo quy định Nội quy cảng biển của Cảng vụ Hàng hải Hải Phòng.

Đơn giá quy định tại Biểu 1 áp dụng vào mọi thời điểm trong ngày kể cả ngày nghỉ, ngày lễ, ngày tết (Trừ các trường hợp đặc biệt).

Giá dịch vụ tàu lai hỗ trợ trên áp dụng cho việc tàu lai bố trí theo quy định của Cảng vụ cho một tàu thủy cập/rời cầu cảng. Thời gian tàu lai phục vụ hỗ trợ cho phép tối thiểu là 01 giờ; nếu vượt quá thời gian 01 giờ sẽ tính thêm chi phí phát sinh theo thời gian thực tế, đơn giá phát sinh căn cứ theo Biểu 1.

2. Trường hợp Chủ tàu/Đại lý yêu cầu thêm tàu lai lẻ kết hợp hỗ trợ tàu thì đơn giá dịch vụ hỗ trợ được tính theo quy định tại Biểu 2:

Biểu 2:

Đơn vị tính: đồng/giờ

STT	Tàu lai	Công suất máy (HP)	Đơn giá
1	Tàu HC46, HC47	500	3.880.000
2	Tàu HC54	800	5.150.000
3	Tàu HC34	1.096	5.650.000
4	Tàu HC28	1.210	5.650.000
5	Tàu HC43, HC44, HC45	1.300	7.550.000
6	Tàu HC36	1.800	12.700.000
7	Tàu Dã Tượng	3.200	15.950.000
8	Tàu Thống Nhất K1	4.600	21.000.000

Phần III. Các trường hợp khác

1. Trường hợp đặc biệt

1.1. Trong điều kiện khí tượng thủy văn ở trạng thái bình thường, tàu không bị hạn chế bởi mòn nước hoặc chiều cao mạn đặc biệt, những tàu phải sử dụng hai tàu lai trở lên có công suất khác nhau thì được miễn giảm một tàu lai có công suất nhỏ nhất với điều kiện tàu đó có thiết bị đẩy ngang chuyên dụng hỗ trợ điều động với công suất tương đương công suất máy tàu lai nhỏ nhất và hoạt động bình thường theo thiết kế. Trên thực tế Công ty có giảm tàu lai hỗ trợ khi điều động phục vụ tàu ra hoặc vào cảng thì giá dịch vụ hỗ trợ tàu được tính bằng 70% đơn giá khoán tại Biểu 1.

1.2. Chủ tàu/Đại lý tàu hoặc thuyền trưởng có văn bản yêu cầu loại tàu lai hỗ trợ có công suất lớn hơn so với quy định của Cảng vụ Hàng hải Hải Phòng thì ngoài phần giá khoán theo lượt tàu lớn quy định tại Biểu 1; Chủ tàu/Đại lý tàu phải thanh toán thêm phần giá chênh lệch do tăng công suất tàu lai so với quy định theo đơn giá tại Biểu 2.

1.3. Hỗ trợ di chuyển tàu trong cùng một khu vực cảng do Cảng Hải Phòng quản lý tính bằng 75% đơn giá dịch vụ hỗ trợ tàu quy định tại Biểu 1.

Trường hợp hỗ trợ di chuyển tàu quay đầu tại Cầu cảng: tính 2 lượt phục vụ gồm 1 lượt phục vụ rời Cầu ra quay đầu và 1 lượt phục vụ vào Cầu, mỗi lượt giá tính bằng 75% đơn giá dịch vụ hỗ trợ tàu quy định tại Biểu 1.

1.4. Hỗ trợ trong trường hợp cứu hộ, cứu nạn bao gồm: Lai kéo tàu bị cạn, tàu bị va chạm, tàu bị hỏa hoạn, tàu bị trôi dạt trên luồng do mất khả năng điều động hoặc do giông bão, nước chảy xiết: giá dịch vụ lai kéo tính tăng 50% (bằng 150%) đơn giá quy định tại Biểu 2. Ngoài công việc nêu trên giá dịch vụ thỏa thuận trước khi thực hiện.

1.5. Trường hợp tàu lai đã đến vị trí đúng giờ theo yêu cầu, nhưng phải chờ đợi do người thuê tàu hỗ trợ gây ra thì người thuê tàu hỗ trợ phải trả 50% mức giá hỗ trợ tàu quy định tại Biểu 1.

1.6. Trường hợp thay đổi giờ hoặc hủy bỏ việc xin tàu lai hỗ trợ; Chủ tàu/Đại lý tàu phải báo cho Công ty biết trước 02 giờ; nếu quá quy định trên và tàu lai đã được điều động đi phục vụ tàu thủy thì Chủ tàu/Đại lý tàu phải trả 50% mức giá hỗ trợ tàu quy định tại Biểu 1.

1.7. Trường hợp tàu lai phải ứng trực trong quá trình thực hiện việc hỗ trợ cứu hộ, cứu nạn hoặc trực cảnh giới; giá cước áp dụng theo đơn giá quy định tại Biểu 2.

1.8. Trường hợp lai kéo, hỗ trợ cứu hộ, cứu nạn theo yêu cầu của Chủ tàu/Đại lý tàu; mặc dù tàu lai đã thực hiện mẫn cán theo lệnh của Hoa tiêu, Thuyền trưởng nhưng công việc không đạt hiệu quả thì Chủ tàu/Đại lý tàu vẫn phải thanh toán 100% giá dịch vụ theo quy định của biểu cước. Trường hợp này phải được xác nhận trước khi thực hiện công việc.

1.9. Trường hợp tàu lai phục vụ tàu vào/ra các cảng mà phải thực hiện công việc như dẹp luồng và/hoặc các công việc khác cho tàu thủy hành hải an toàn theo yêu cầu của Chủ tàu/Đại lý; giá dịch vụ tính theo thỏa thuận hoặc quy định trong hợp đồng.

1.10. Hỗ trợ tàu cập/rời Phao Bến Gót - Lạch Huyện trong điều kiện tàu thủy hoạt động bình thường, điều kiện thời tiết bình thường thì giá cước tàu lai được tính bằng 250% đơn giá dịch vụ tàu hỗ trợ tại Biểu 1 hoặc Biểu 2.

1.11. Hỗ trợ tàu cập/rời Phao Bến nỗi Bạch Đằng trong điều kiện tàu thủy hoạt động bình thường, điều kiện thời tiết bình thường thì giá cước tàu lai được tính bằng 150% đơn giá dịch vụ tàu hỗ trợ tại Biểu 1 hoặc Biểu 2.

2. Hộ tống tàu

2.1. Giá tàu lai hộ tống tàu thủy tại các khu vực theo yêu cầu sẽ được thỏa thuận trong hợp đồng trước khi cung cấp dịch vụ.

2.2. Trường hợp khẩn cấp hoặc vì một lý do nào đó không thỏa thuận được trước khi cung cấp dịch vụ thì giá tàu lai hộ tống được áp dụng theo đơn giá quy định tại Biểu 2. Thời gian tính giá hộ tống là thời gian thực tế hộ tống tàu và thời gian huy động tàu lai đi hoặc về.

2.3 Trong quá trình hộ tống tàu thủy, tàu lai phải phục vụ kéo/đẩy tàu thủy thì tính thêm giá phục vụ kéo/đẩy. Thời gian tính giá kéo/đẩy tàu thủy tính từ khi tàu lai phục vụ cho đến khi kết thúc việc kéo/đẩy. Đơn giá áp dụng theo quy định tại Biểu 2.

3. Các trường hợp chưa được quy định trong Biểu giá dịch vụ

3.1 Đối với các Chủ tàu/Đại lý tàu có nhu cầu thuê tàu lai, hỗ trợ tại các vị trí khác giá sẽ được thỏa thuận, thống nhất trước khi thực hiện công việc;

3.2 Những phát sinh chưa có trong quy định trên được thỏa thuận trước khi thực hiện công việc;

3.3 Trường hợp làm theo lệnh của cơ quan quản lý Nhà nước (Cảng vụ Hàng hải, Công an, Hải quan, Biên phòng,...), do tính chất công việc khi có lệnh điều động phương tiện làm việc ngay, vì một lý do nào đó mà Chủ tàu/Đại lý chưa có xác nhận kịp thời thì căn cứ theo lệnh điều động của các cơ quan trên, Đại lý/Chủ tàu thanh toán cước dịch vụ áp dụng theo Biểu giá hiện hành của Công ty./.

3.4. Trường hợp phục vụ hỗ trợ tàu từ 220m trở lên hoặc phải sử dụng tàu lai Azimuth; giá cước sẽ thỏa thuận, thống nhất trước khi thực hiện công việc.